

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày: 28 – 5 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-DS ngày 20/02/2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ B, khu vực C, phường N, Thành phố N, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993; tạm trú: khu phố H, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Đ trình bày:

Năm 2018, bà Đ và bà Nguyễn Thị Thu T đã thỏa thuận mua bán, kinh doanh hàng trên mạng, bà T đã đặt hàng mua hàng hóa là mỹ phẩm của bà Đ qua tin nhắn zalo, facebook, không ký hợp đồng mua bán, khi bà T cần mặt hàng gì thì nhắn tin tên hàng và số lượng qua cho bà Đ, hai bên chốt số lượng và giá cả qua tin nhắn zalo xong thì bà Đ sẽ đóng gói hàng và cho người chở hàng trực tiếp đến cho bà T. Sau khi bà T nhận được hàng sẽ thanh toán lại cho bà Đ bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản của bà

Đ, bà T chuyển vào tài khoản của bà Đ tại Ngân hàng Vietcombank, số tài khoản 0431000257508. Công nợ hai bên sẽ được kết toán dứt điểm vào cuối tháng.

Số lượng hàng hóa bà Đ bán cho bà T từ đầu năm 2018 đến tháng 11/2018 bao gồm: Ủ kén tắm, tổng số lượng đã giao là 9.150 lọ, trị giá: 860.100.000đồng; Kem body, tổng số lượng đã giao là 538 lọ, trị giá: 72.630.000đồng; Kem lodas dùng để dưỡng da mặt, tổng số lượng đã giao là 2.174 lọ, trị giá: 330.448.000đồng; Mặt nạ yến dùng để đắp da mặt, tổng số lượng đã giao là 407 lọ, trị giá: 35.409.000đồng; Detox dùng để tẩy trắng, tổng số lượng đã giao là 06 lọ, trị giá: 990.000đồng. Tổng giá trị hàng mỹ phẩm bà Đ đã bán cho bà T là 1.446.789.000đồng.

Từ tháng 10/2018, bà T mua của bà Đ nhiều mặt hàng nhưng bà T chuyển trả cho bà Đ số tiền rất ít so với hàng hóa đã nhận từ bà Đ. Tháng 11/2018 bà Đ yêu cầu bà T thanh toán bớt nợ nhưng bà T không trả mà yêu cầu hủy đơn hàng mới, trả lại cho bà Đ những hàng còn tồn. Vào các ngày 03, 04, 05 tháng 12/2018, bà Đ đã gọi điện và nhắn tin nhiều lần yêu cầu bà T chốt công nợ nhưng bà T nhiều lần né tránh, không hợp tác.

Ngày 08/12/2018, bà Đ và bà T đã chốt được số lượng và số tiền còn nợ là 375.984.000đồng. Hai bên chốt nợ qua tin nhắn. Bà T nhắn và hứa với bà Đ sẽ gửi trả cho bà Đ toàn bộ số hàng hóa chưa bán được vào ngày 09/12/2018 và đến ngày 10/12/2018 sẽ ra ngân hàng chuyển cho bà Đ hết số tiền mà bà T còn nợ nêu trên.

Ngày 11/12/2018 bà Đ đã nhận được toàn bộ số hàng còn tồn từ bà T. Ngày 10/12/2018, bà T đã chuyển cho bà Đ được số tiền 80.000.000đồng; ngày 19/12/2018 trả thêm số tiền 50.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 246.284.000đồng chưa thanh toán. Bà Đ đã liên hệ nhiều lần thì bà T không nghe điện thoại và chặn zalo, facebook của bà Đ.

Do bà T không thanh toán tiền còn nợ nên vào năm 2019, bà Đ đã tố cáo bà T tại Công an Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Do đó, bà T đã viết giấy nhận nợ vào ngày 19/8/2019 với nội dung thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền 142.000.000đồng, hẹn vào ngày 25/8/2019 trả số tiền 50.000.000đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần hàng tuần qua tài khoản, mỗi lần trả khoảng 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng.

Căn cứ theo giấy nhận nợ 19/8/2019, bà T đã trả tiền cho bà Đ thành nhiều lần cụ thể: Ngày 25/8/2019, bà T đã trả được 30.000.000đồng. Sau đó cứ khoảng 01 đến 02 tuần bà T chuyển cho bà Đ số tiền 5.000.000đồng, lần cuối cùng chuyển được số tiền 2.000.000đồng, sau đó không thanh toán nữa. Bà T chuyển được 05 lần số tiền 5.000.000đồng, tổng cộng là 25.000.000đồng vào các ngày 06/9/2019; ngày 16/9/2019; ngày 26/9/2019; ngày 08/10/2019; ngày 21/10/2019. Tổng cộng bà T đã trả thêm được 57.000.000đồng. Đến ngày 08/01/2020, bà T chuyển số tiền 2.000.000đồng, ngày 29/4/2020 bà T chuyển khoản trả tiếp cho bà Đ số tiền 2.000.000đồng. Số tiền còn nợ lại là 83.000.000đồng.

Theo nội dung bà T nhận nợ và hứa trả tại tờ giấy ngày 19/8/2019 thì cứ 01 đến 02 tuần chuyển tiền một lần, số tiền chuyển từ 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng. Nếu bà T thực hiện hàng tuần chuyển cho bà Đ số tiền 5.000.000đồng thì thời điểm kết thúc trả nợ là tháng 12/2019. Tuy nhiên, từ ngày 08/01/2020 đến nay, bà Đ chưa nhận được bất cứ khoản tiền nào từ bà T (trừ ngày 29/4/2020 nhận thêm được 2.000.000 đồng). Việc bà T chưa thanh toán hết tiền nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 02/3/2020, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán một lần số tiền hàng còn nợ là 85.000.000 đồng và số tiền lãi 8.700.000 đồng (tạm tính từ ngày 09/01/2020) đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm vụ

án. Tuy nhiên, 29/4/2020 bà T trả thêm được số tiền 2.000.000đồng nên quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng bị đơn đã trả, yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 83.000.000đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 83.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 từ ngày 09/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2020) là 4 tháng 19 ngày, số tiền 3.198.722 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Giấy nhận nợ ngày 19/8/2019; các tin nhắn đặt hàng, thanh toán nợ; sao kê tài khoản từ ngày 01/10/2018 đến ngày 24/7/2019.

Nguyên đơn không đồng ý với phương thức thanh toán mà bị đơn đã trình bày quá trình tố tụng.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 29/4/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quá trình mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn, loại hàng hóa, số lượng hàng hóa đã mua và quá trình thanh toán nợ như nêu trên. Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về số tiền còn nợ nguyên đơn từ việc mua bán hàng hóa nêu trên là 83.000.000 đồng. Việc bị đơn mua bán hàng hóa, số tiền mua bán hàng hóa là tiền riêng của bị đơn, không phải của ai khác. Số tiền lãi từ việc bán hàng hóa do bị đơn tự chi tiêu cho bản thân bị đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn có ý kiến như sau:

Bị đơn đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 83.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hiện tại kinh tế của bị đơn gặp nhiều khó khăn nên bị đơn đề nghị được thanh toán dần số tiền nợ nêu trên hàng tháng, mỗi tháng trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc còn phải trả của mỗi tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về số tiền lãi từ ngày 09/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật bị đơn yêu cầu nguyên đơn miễn cho bị đơn vì bị đơn không có khả năng trả. Bị đơn không còn ý kiến khác. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, bị đơn thống nhất với nguyên đơn về quá trình mua bán hàng hóa và số tiền nợ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 83.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 09/01/2020 đến ngày 28/5/2020 là 4 tháng 19 ngày, số tiền 3.198.722 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện và Biên bản xác minh ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có địa chỉ tạm trú tại khu phố H, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng do bị đơn đã thanh toán vào ngày 29/4/2020, xét thấy việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với một phần yêu cầu đã rút.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn cùng giao kết thỏa thuận mua bán hàng hóa là các loại mỹ phẩm bằng hình thức tin nhắn zalo, facebook, các loại hàng hóa bị đơn đã đặt mua của nguyên đơn bao gồm:

Ủ kén tắm, tổng số lượng đã giao là 9.150 lọ, trị giá: 860.100.000đồng; Kem body, tổng số lượng đã giao là 538 lọ, trị giá: 72.630.000đồng; Kem lodas dùng để dưỡng da mặt, tổng số lượng đã giao là 2.174 lọ, trị giá: 330.448.000đồng; Mặt nạ yến dùng để đắp da mặt, tổng số lượng đã giao là 407 lọ, trị giá: 35.409.000đồng; Detox dùng để tẩy trắng, tổng số lượng đã giao là 06 lọ, trị giá: 990.000đồng. Tổng giá trị hàng mỹ phẩm nguyên đơn đã bán cho bị đơn là 1.446.789.000đồng. Nguyên đơn xác định đã giao đúng, đủ số lượng hàng hóa mà bị đơn đã đặt mua.

Quá trình thực hiện mua bán, bị đơn đã thanh toán tiền hàng hóa cho nguyên đơn thành nhiều lần. Tính đến ngày 19/8/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 142.000.000đồng, bị đơn thống nhất số tiền còn nợ nguyên đơn và đã viết giấy nhận nợ vào ngày 19/8/2019 với nội dung thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 142.000.000đồng, hẹn vào ngày 25/8/2019 trả số tiền 50.000.000đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần hàng tuần qua tài khoản, mỗi lần trả khoảng 5.000.000đồng đến 10.000.000đồng. Sau nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán và trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền 59.000.000 đồng. Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 83.000.000 đồng.

Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quá trình mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn, loại hàng hóa, số lượng hàng hóa đã mua và quá trình thanh toán nợ. Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về số tiền còn nợ lại nguyên

đơn từ việc mua bán hàng hóa nêu trên là 83.000.000 đồng, bị đơn đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho nguyên đơn, tuy nhiên do bị đơn điều kiện khó khăn nên không đồng ý thanh toán một lần số tiền nợ mà thanh toán thành dần theo từng tháng, mỗi tháng thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc còn phải trả của mỗi tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên.

Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mua bán hàng hóa mỹ phẩm với hình thức đặt hàng qua mạng zalo, facebook. Nguyên đơn đã giao đủ số lượng hàng hóa cho bị đơn theo thỏa thuận đặt hàng, bị đơn đã thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn thành nhiều lần và còn nợ nguyên đơn số tiền 83.000.000 đồng. Việc bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ trên đúng theo thời hạn thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm về nghĩa vụ thanh toán của bên mua hàng theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 83.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung bị đơn nhận nợ và hứa thanh toán nợ tại giấy viết tay ngày 19/8/2019 xác định cứ 01 đến 02 tuần bị đơn chuyển cho nguyên đơn số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Nếu bị đơn thực hiện đúng cam kết hàng tuần chuyển cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng thì thời điểm kết thúc trả nợ là tháng 12/2019. Tuy nhiên, từ ngày 08/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Đ chưa nhận được đúng số tiền bà T hẹn thanh toán (trừ ngày 29/4/2020 nhận thêm được 2.000.000 đồng). Do đó, có cơ sở xác định từ tháng 01 năm 2019 quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi theo Điều 357 với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền nợ gốc 83.000.000 đồng từ ngày 09/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2020), thời gian 4 tháng 19 ngày, số tiền 3.198.722 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 184, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải thanh toán cho nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Đ số tiền nợ gốc 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng) và số tiền lãi 3.198.722 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng). Tổng cộng 86.198.722 đồng (Tám mươi sáu triệu một trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thhu Thảo thanh toán cho nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Đ số tiền nợ gốc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 4.309.936 đồng (Bốn triệu ba trăm lẻ chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Võ Thị Mỹ Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.392.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0046171 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh